



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 9.1 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạng kiểm	Ghi chú
7428	8.1	1	Nguyễn Huỳnh Mỹ	An	x	9	Tốt	Tốt	HSG
7254	8.1	2	Nguyễn Hoàng	Ân		9,2	Tốt	Tốt	HSG
7431	8.1	3	Lưu Minh	Châu	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS
7475	8.1	4	Phạm Nguyễn Quỳnh	Chi	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
7211	8.1	5	Nguyễn Hoàng Ái	Dung	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG
7212	8.1	6	Nguyễn Trần Anh	Duy		8,6	Tốt	Tốt	HSG
7215	8.1	7	Võ Khánh	Hân	x	9	Tốt	Tốt	HSG
7217	8.1	8	Nguyễn Minh	Hoàng		9,3	Tốt	Tốt	HSXS
7393	8.1	9	Võ Thị Ngọc	Hồng	x	7,6	Khá	Tốt	
7218	8.1	10	Nguyễn Mạnh	Hùng		9,4	Tốt	Tốt	HSXS
7259	8.1	11	Diệp Quang	Hy		8,3	Khá	Tốt	
7220	8.1	12	Phạm Gia	Khang		9,2	Tốt	Tốt	HSG
7260	8.1	13	Phạm Minh	Khang		9,3	Tốt	Tốt	HSXS
7615	8.1	14	Đặng Anh	Khôi		9,6	Tốt	Tốt	HSXS
7222	8.1	15	Huỳnh Minh	Khôi		8,3	Tốt	Tốt	HSG
7264	8.1	16	Tướng Nguyễn Tường	Lan	x	9,6	Tốt	Tốt	HSXS
7265	8.1	17	Nguyễn Thùy	Linh	x	8,1	Khá	Tốt	
7267	8.1	18	Trương Đăng	Minh		9,2	Tốt	Tốt	HSXS
7229	8.1	19	Nguyễn Tiến	Minh		8,5	Khá	Tốt	
7358	8.1	20	Trần Ngọc	My	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
7230	8.1	21	Phan Nguyễn Khánh	Ngân	x	8,3	Khá	Tốt	
7449	8.1	22	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	x	9,2	Tốt	Tốt	HSG
7232	8.1	23	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	x	8	Khá	Tốt	
7234	8.1	24	Phú Mỹ	Ngọc	x	9	Tốt	Tốt	HSG
7235	8.1	25	Nguyễn Ngọc Phương	Nguyên	x	9,8	Tốt	Tốt	HSXS
7268	8.1	26	Trương Trần Thảo	Nguyên	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
7269	8.1	27	Lý Quỳnh	Như	x	9,2	Tốt	Tốt	HSG
7597	8.1	28	Vương Thiên	Như	x	8,3	Khá	Tốt	
7270	8.1	29	Lý Thiên	Phúc		8,5	Tốt	Tốt	HSG
7240	8.1	30	Hàng Uyển	San	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
7272	8.1	31	Nguyễn Hoàng Su	Su	x	9	Tốt	Tốt	HSG
7273	8.2	32	Cao Minh	Tâm		9,9	Tốt	Tốt	HSXS
7241	8.1	33	Đặng Đàm Chí	Thành		8,8	Tốt	Tốt	HSG
7242	8.1	34	Lê Thanh	Thảo	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
7244	8.1	35	Lê Võ	Thuận		8,1	Khá	Tốt	
7277	8.1	36	Sơn	Thủy	x	9,1	Tốt	Tốt	HSXS
7280	8.1	37	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	x	9	Tốt	Tốt	HSG
7245	8.1	38	Lâm Khánh	Thy	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
7463	8.1	39	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	x	9,2	Tốt	Tốt	HSG
7610	8.1	40	Vũ Phan Bảo	Trân	x	9,3	Tốt	Tốt	HSG
7285	8.1	41	Đặng Thanh	Trí		9,1	Tốt	Tốt	HSG
7554	8.1	42	Nguyễn Dương Thủy	Trúc	x	9,8	Tốt	Tốt	HSXS
7555	8.1	43	Võ Ngọc Nhã	Uyên	x	9,4	Tốt	Tốt	HSXS
7248	8.1	44	Võ Ngọc Như	Uyên	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
7249	8.1	45	Nguyễn	Vĩ		8,1	Khá	Tốt	
7424	8.1	46	Trần Kiến	Vũ		8,5	Tốt	Tốt	HSG
7293	8.1	47	Trương Hà	Vy	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
7291	8.1	48	Kiều Ngọc	Vy	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 9.2 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
7384	8.2	1	Lê Hoàng Gia	An		8	Khá	Tốt	
7252	8.2	2	Nguyễn Minh	An		8,9	Tốt	Tốt	HSG
7207	8.2	3	Lê Văn Trường	An		7,8	Khá	Tốt	
7584	8.2	4	Lê Ngọc Trâm	Anh	x	7,8	Khá	Tốt	
7255	8.2	5	Phạm Lê Thiên	Ân		7,6	Khá	Tốt	
7257	8.2	6	Đào Đoàn Thanh	Hải		8,3	Tốt	Tốt	HSG
7593	8.2	7	Kiều Duy	Khang		6,4	Đạt	Tốt	
7221	8.2	8	Nguyễn Ngọc Bảo	Khánh	x	8,5	Khá	Tốt	
7223	8.2	9	Lê Anh	Khôi		6,7	Đạt	Tốt	
7262	8.2	10	Võ Trần Đăng	Khôi		7,7	Khá	Tốt	
7605	8.2	11	Võ Thị Thảo	Ly	x	7,3	Khá	Tốt	
7225	8.2	12	Biện Nguyễn Xuân	Mai	x	9,2	Tốt	Tốt	HSXS
7228	8.2	13	Đoàn Bình	Minh		8	Khá	Tốt	
7231	8.2	14	Lâm Tài	Nghĩa		7,5	Khá	Tốt	
7237	8.2	15	Thái Thành	Nhân		8,5	Tốt	Tốt	HSG
7238	8.2	16	Trương Thiện	Nhân		9	Tốt	Tốt	HSG
7498	8.2	17	Ngô Tấn	Phát		8,3	Tốt	Tốt	HSG
7542	8.2	18	Võ Tấn	Phát		9,2	Tốt	Tốt	HSXS
7274	8.2	19	Trần Thị Ngọc	Tâm	x	8,4	Khá	Tốt	
7275	8.2	20	Nguyễn Huy	Thắng		9,2	Tốt	Tốt	HSXS
7276	8.2	21	Nguyễn Gia	Thuận		7,8	Khá	Tốt	
7279	8.2	22	Nguyễn Minh	Thư	x	9,4	Tốt	Tốt	HSXS
7283	8.2	23	Huỳnh Thủy	Tiên	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG
7284	8.2	24	Võ Lại Sơn	Trà	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG
7286	8.2	25	Lâu Minh	Trí		6,4	Đạt	Tốt	
7287	8.2	26	Nghiêm Diệp	Triển		7,6	Khá	Tốt	
7246	8.2	27	Huỳnh Minh	Triết		8,7	Tốt	Tốt	HSG
7247	8.2	28	Lê Ngọc Phương	Trinh	x	7,9	Khá	Tốt	
7288	8.2	29	Đình Quốc	Trung		8,2	Tốt	Tốt	HSG
7289	8.2	30	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	x	6,6	Đạt	Tốt	
7282	8.2	31	Nguyễn Xuân	Việt		8,6	Tốt	Tốt	HSG
7292	8.2	32	Phạm Ngọc Thanh	Vy	x	9,3	Tốt	Tốt	HSXS
7426	8.2	33	Phan Thúy	Vy	x	8,1	Khá	Tốt	
7427	8.2	34	Nhan Võ Như	Ý	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG
7294	8.2	35	Nguyễn Phi Hải	Yến	x	9,7	Tốt	Tốt	HSXS
7295	8.2	36	Nguyễn Phi Hoàng	Yến	x	9,8	Tốt	Tốt	HSXS

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 9.3 - NĂM HỌC 2024 - 2025



MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
7516	8.8	1	Ngô Đỗ Xuân	An	x	9,4	Tốt	Tốt	HSXS
7473	8.7	2	Trần Ngọc Phương	Anh	x	9,2	Tốt	Tốt	HSG
7517	8.8	3	Võ Ngọc Lan	Anh	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS
7520	8.8	4	Bùi Võ Đức	Duy		9,1	Tốt	Tốt	HSG
7347	8.4	5	Võ Thị Kiều	Giang	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
7435	8.6	6	Đông Yên	Hân	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
7308	8.3	7	Trần Duy	Khang		8,9	Tốt	Tốt	HSG
7482	8.7	8	Trịnh Dĩ	Khang		9,6	Tốt	Tốt	HSXS
7396	8.5	9	Phạm Nguyễn Kim	Khánh	x	9,3	Tốt	Tốt	HSXS
7483	8.7	10	Đoàn Việt Anh	Khôi		9,4	Tốt	Tốt	HSXS
7486	8.7	11	Mã Ri	Lin	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
7401	8.5	12	Hồ Tuyết	Mai	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
7313	8.3	13	Lâm Tuệ	Mẫn	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
7489	8.7	14	Trịnh Thảo	Mi	x	9	Tốt	Tốt	HSXS
7492	8.7	15	Châu Ngọc Bảo	Ngân	x	9,3	Tốt	Tốt	HSXS
7405	8.5	16	Nguyễn Thị Kim	Ngân	x	9	Tốt	Tốt	HSG
7493	8.7	17	Võ Nguyễn Thanh	Ngân	x	9,1	Tốt	Tốt	HSXS
7535	8.8	18	Nguyễn Thái Kim	Ngân	x	9	Tốt	Tốt	HSG
7536	8.8	19	Trần Ngọc Khánh	Nghi	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
7362	8.4	20	Trần Lê Như	Nguyệt	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
7538	8.8	21	Bùi Tâm	Nhi	x	9,4	Tốt	Tốt	HSXS
7540	8.8	22	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	x	9,2	Tốt	Tốt	HSG
7409	8.5	23	Võ Quỳnh	Như	x	9,2	Tốt	Tốt	HSXS
7497	8.7	24	Văn Huỳnh	Như	x	9,1	Tốt	Tốt	HSXS
7541	8.8	25	Phan Khánh	Như	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
7321	8.3	26	Lê Nguyễn Minh	Nhựt		8,9	Tốt	Tốt	HSG
8081	8.7	27	Lê Thành	Phát		9,6	Tốt	Tốt	HSXS
7411	8.5	28	Lư Điều	Phong		8,9	Tốt	Tốt	HSG
7369	8.4	29	Tạ Như	Quỳnh	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
7415	8.5	30	Bùi Thị Thanh	Tâm	x	9,4	Tốt	Tốt	HSXS
7374	8.5	31	Hứa Mỹ	Tiên	x	9,4	Tốt	Tốt	HSXS
7600	8.6	32	Trần Thị Thu	Tiền	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
7504	8.7	33	Nguyễn Việt	Thành		9,1	Tốt	Tốt	HSXS
7589	8.8	34	Nguyễn Minh	Thiện		8,2	Tốt	Tốt	HSG
9041	8.5	35	Võ Phước	Thịnh		8,9	Tốt	Tốt	HSG
9040	8.5	36	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
7331	8.3	37	Nguyễn Bích	Thủy	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
7506	8.7	38	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	x	9,6	Tốt	Tốt	HSXS
7553	8.8	39	Phạm Thị Thùy	Trâm	x	9,3	Tốt	Tốt	HSG
7420	8.5	40	Trần Lê Ngọc	Trân	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
7509	8.7	41	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
7378	8.4	42	Nguyễn Hữu Thiên	Văn		8,4	Tốt	Tốt	HSG
7511	8.7	43	Trần Quốc	Vinh		8,9	Tốt	Tốt	HSG
7469	8.6	44	Nguyễn Hoàng Lê	Vy	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG
7557	8.8	45	Mã Ri	Vy	x	9,3	Tốt	Tốt	HSXS
7559	8.8	46	Trần Lê Như	Ý	x	9	Tốt	Tốt	HSG
7515	8.7	47	Võ Công Hải	Yến	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 9.4 - NĂM HỌC 2024 - 2025



MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
7296	8.3	1	Nguyễn Duy	An		8,2	Khá	Tốt	
15725	8.3	2	Lưu Thái	An		7,9	Khá	Tốt	
7253	8.2	3	Huyền Hoàng Tuấn	Anh		5,9	Đạt	Khá	
7299	8.3	4	Sỳ Đạt	Bảo		7,8	Khá	Tốt	
7386	8.3	5	Trịnh Phạm Quốc	Bảo		8,4	Khá	Tốt	
7300	8.3	6	Trần Văn	Cường		5,8	Đạt	Khá	
		7	Nguyễn Minh	Đạt					Chuyển đến 24-25
7391	8.3	8	Nguyễn Ngọc	Hải		7,5	Khá	Tốt	
7479	8.7	9	Nguyễn Bảo	Hiếu		8,8	Tốt	Tốt	HSG
7306	8.3	10	Phan Quang Vũ	Huy		7,7	Khá	Tốt	
7307	8.3	11	Trương Hoàng	Huy		6,8	Đạt	Tốt	
7398	8.3	12	Võ Anh	Kiệt		7,8	Khá	Tốt	
7310	8.3	13	Nguyễn Vĩnh	Kỳ		7,5	Khá	Tốt	
9024	8.3	14	Trần Nhã	Kỳ	x	7,3	Khá	Tốt	
7309	8.3	15	Nguyễn Tuấn	Khương		8,8	Tốt	Tốt	HSG
7582	8.3	16	Nguyễn Thiên Quang	Minh		8	Khá	Tốt	
7314	8.3	17	Đỗ Ngọc Thảo	My	x	8,2	Khá	Tốt	
7315	8.3	18	Hoàng Công	Nam		7,4	Khá	Tốt	
7317	8.3	19	Nguyễn Khánh	Ngọc	x	8,3	Khá	Tốt	
7239	8.3	20	Trương Triệu	Nhân		7,9	Khá	Tốt	
7319	8.3	21	Nguyễn Trần Yến	Nhi	x	7,2	Đạt	Tốt	
7320	8.3	22	Đỗ Trần Quỳnh	Như	x	7,7	Khá	Tốt	
7365	8.4	23	Lê Nguyễn Thành	Phát		7,1	Khá	Khá	
7323	8.3	24	Dương Hoài	Phong		7,2	Khá	Tốt	
7585	8.3	25	Lữ Kim	Phụng	x	7,7	Khá	Tốt	
7324	8.3	26	Vũ Minh	Quân		7,6	Khá	Tốt	
7271	8.3	27	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	x	8	Khá	Tốt	
7457	8.3	28	Nhan San	San	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG
7328	8.3	29	Nguyễn Phương	Thảo	x	8,2	Tốt	Tốt	HSG
7329	8.3	30	Trần Thanh	Thảo	x	7,9	Khá	Tốt	
7371	8.3	31	Đỗ Thị Phương	Thảo	x	8,3	Khá	Tốt	
7327	8.3	32	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	x	8	Khá	Tốt	
7505	8.7	33	Bùi Võ Trí	Thông		6,9	Đạt	Đạt	
7330	8.3	34	Trương Ngọc Minh	Thư	x	6,2	Đạt	Tốt	
7332	8.3	35	Phạm Thị Ngọc	Trăm	x	7,4	Khá	Tốt	
7334	8.3	36	Vương Thiện	Trung		8,2	Khá	Tốt	
7335	8.3	37	Võ Huỳnh Trần Bích	Vân	x	7,5	Khá	Tốt	
7336	8.3	38	Đỗ Quang	Vinh		7,6	Khá	Tốt	
7337	8.3	39	Thạch Lê Bình Hạ	Vy	x	8,1	Khá	Tốt	
7338	8.3	40	Nguyễn Ngọc Trường	Vy	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG
7339	8.3	41	Nguyễn Trần Như	Ý	x	6,4	Đạt	Tốt	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 9.5 - NĂM HỌC 2024 - 2025



MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
7341	8.4	1	Nguyễn Văn Việt	Anh		8,3	Khá	Khá	
9039	8.3	2	Nguyễn Quốc	Anh		7,2	Đạt	Khá	
7298	8.4	3	Nguyễn Thiên	Ánh	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG
7342	8.4	4	Nguyễn Lý Gia	Băng	x	8,2	Khá	Tốt	
7343	8.4	5	Đặng Thiên	Chân	x	7,4	Khá	Tốt	
7344	8.4	6	Từ Vĩ	Dũng		6,6	Đạt	Khá	
7345	8.4	7	Nguyễn Việt	Đạt		9,3	Tốt	Khá	
7346	8.4	8	Nguyễn Gia	Đặng		6,9	Đạt	Tốt	
7348	8.4	9	Ong Võ Thị Mỹ	Hằng	x	7,2	Đạt	Tốt	
7349	8.4	10	Trần Tuấn	Hoa		7,8	Khá	Khá	
7350	8.4	11	Trương Bảo	Huy		7,1	Khá	Tốt	
7481	8.7	12	Nguyễn Hoàng	Huy		7,7	Khá	Tốt	
7353	8.4	13	Trần Trung	Kiên		7,6	Khá	Khá	
7484	8.7	14	Trần Gia	Kiệt		8,3	Khá	Tốt	
7485	8.7	15	Phan Trung	Kiệt		8,7	Khá	Tốt	
6881	8.4	16	Lê Hoàng	Khang		5,4	Đạt	Khá	
7352	8.4	17	Trương Hồ Thành	Khang		7,9	Khá	Tốt	
9046	8.7	18	Nguyễn Vĩnh	Lạc		8,5	Khá	Tốt	
7354	8.4	19	Lê Thị Trúc	Lam	x	7,2	Đạt	Tốt	
7355	8.4	20	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG
7356	8.4	21	Cao Kim	Long		8,1	Khá	Tốt	
7487	8.7	22	Đoàn Nguyễn Thái	Long		7,9	Khá	Tốt	
7224	8.2	23	Nguyễn Thiên	Long		6,4	Đạt	Tốt	
7488	8.7	24	Thái Ngọc Tuyết	Mai	x	7,7	Khá	Tốt	
7357	8.4	25	Nguyễn Ái	Mi	x	6,7	Đạt	Tốt	
7360	8.4	26	Vũ Mai	Ngân	x	7,6	Khá	Tốt	
7361	8.4	27	Nguyễn Hồng Bảo	Ngọc	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
6938	8.4	28	Phạm Tuấn	Nguyên		6,3	Đạt	Tốt	
7363	8.4	29	Nguyễn Tuyết	Nhi	x	7,1	Đạt	Tốt	
7364	8.4	30	Hồ Nguyễn Tuyết	Như	x	7,1	Khá	Tốt	
7366	8.4	31	Trần Văn Thành	Phát		7,1	Khá	Tốt	
7367	8.4	32	Lê Vĩnh	Phú		7,4	Khá	Tốt	
7586	8.4	33	Phạm Hoàng	Phúc		7	Khá	Tốt	
7373	8.4	34	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
7376	8.4	35	Trương Trí	Trọng		7,8	Khá	Tốt	
7377	8.4	36	Danh Thành	Trung		7,1	Khá	Tốt	
7379	8.4	37	Trương Bửu	Vân	x	6,9	Khá	Tốt	
7380	8.4	38	Huỳnh Tấn	Vinh		7	Khá	Tốt	
7382	8.4	39	Trịnh Nguyễn Bảo	Vy	x	6,9	Đạt	Tốt	
7381	8.4	40	Nguyễn Thị Thúy	Vy	x	7,5	Khá	Tốt	
7383	8.4	41	Nguyễn Ngọc Hoàng Như Ý	Ý	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 9.6 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạng kiểm	Ghi chú
	8.7	1	Gip Mỹ	An	x	8,4	Khá	Tốt	
7385	8.5	2	Nguyễn Minh	Anh		6,3	Đạt	Khá	
7387	8.5	3	Trịnh Ánh	Chân	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
7476	8.7	4	Trương Võ Thành	Danh		7,9	Khá	Tốt	
7388	8.5	5	Nguyễn Thanh	Dũng		7,3	Đạt	Tốt	
7301	8.5	6	Lê Hoàng	Đạt		7,9	Khá	Tốt	
7389	8.5	7	Võ Thành	Đạt		7	Đạt	Tốt	
7213	8.2	8	Lê Trần Tín	Đức		6	Đạt	Khá	
7302	8.3	9	Thái Văn	Đức		6,6	Đạt	Khá	
9045	8.7	10	Lợi Thị Ngọc	Hà	x	8,3	Khá	Tốt	
7561	8.5	11	Quách Gia	Hân	x	8,3	Khá	Tốt	
7478	8.7	12	Lâm Gia	Hân	x	7,3	Đạt	Tốt	
7392	8.5	13	Huỳnh Lê Thanh	Hiền	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
7305	8.5	14	Trần Thị Hồng	Hoa	x	7,8	Khá	Tốt	
7611	8.5	15	Nguyễn Chí	Hoàng		6,5	Đạt	Khá	
7394	8.5	16	Huỳnh Gia	Huy		6,9	Đạt	Tốt	
7395	8.5	17	Nguyễn Trọng	Khải		6,8	Đạt	Tốt	
7399	8.5	18	Huỳnh Tuấn	Lâm		7,9	Khá	Khá	
7400	8.5	19	Trần Thị Hồng	Loan	x	7,9	Khá	Tốt	
7581	8.5	20	Phạm Khang	Luân		7,5	Khá	Tốt	
7490	8.7	21	Dương Hồng	Mơ	x	8	Khá	Tốt	
7403	8.5	22	Hoàng Thị Trà	My	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG
7491	8.7	23	Nguyễn Hoài	Nam		8,2	Khá	Tốt	
7404	8.5	24	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
7318	8.5	25	Lâu Chiêu	Nguyên		7,5	Khá	Tốt	
7407	8.5	26	Lý Kim	Nguyệt	x	8,5	Khá	Tốt	
8079	8.5	27	Lê Hồng	Nhi	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
7413	8.5	28	Nguyễn Thị Kiều	Quy	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
	8.5	29	Nguyễn Thành	Tài					Chuyển đến 24-25
7583	8.5	30	Trần Phương	Thái		6,7	Đạt	Tốt	
7416	8.5	31	Nguyễn Minh	Thắng		7,6	Đạt	Tốt	
7372	8.5	32	Liu Vĩnh	Thắng		8,5	Tốt	Tốt	HSG
7418	8.5	33	Ngô Thị Anh	Thư	x	8,1	Khá	Tốt	
7375	8.5	34	Nguyễn Ái	Trân	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
8080	8.5	35	Huỳnh Bảo	Trân	x	7,3	Khá	Tốt	
7333	8.5	36	Diệp Quảng	Trí		6,7	Đạt	Tốt	
7421	8.5	37	Vũ Phương	Trúc	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
7423	8.5	38	Dư Nguyễn Huyền	Vi	x	8	Khá	Tốt	
7425	8.5	39	Đinh Nguyễn Tường	Vy	x	8,5	Khá	Tốt	
		40	Phạm Huỳnh Tường	Vy					Chuyển đến 24-25

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 9.7 - NĂM HỌC 2024 - 2025



MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
7429	8.6	1	Mai Thị Kiều	Anh	x	7,7	Khá	Tốt	
9051	8.6	2	Nguyễn Lê Gia	Bảo		6,2	Đạt	Khá	
7430	8.6	3	Phạm Ngô	Bảo		8	Khá	Tốt	
7303	8.6	4	Phan Trần Anh	Duy		7,7	Khá	Tốt	
7432	8.6	5	Võ Thành	Dương		7,1	Khá	Khá	
7433	8.6	6	Nguyễn Hải	Đặng		7,3	Khá	Tốt	
7214	8.6	7	Vũ Quang Minh	Hải		6,3	Đạt	Khá	
7258	8.6	8	Dương Gia	Hào		8,1	Tốt	Tốt	HSG
9042	8.6	9	Vũ Bảo	Hân	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
7304	8.6	10	Hoàng Gia	Hân	x	7,1	Khá	Tốt	
7436	8.6	11	Lê Diễm	Hiền	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
7438	8.6	12	Phạm Quốc	Huy		8,7	Tốt	Tốt	HSG
7441	8.6	13	Lê Hà Trọng	Kiên		6	Đạt	Tốt	
7578	8.6	14	Võ Hoàng	Kim		8,1	Khá	Tốt	
7439	8.6	15	Bành Tiến	Khang		8,7	Tốt	Tốt	HSG
7440	8.6	16	Trần Đặng Minh	Khoa		6,1	Đạt	Khá	
7443	8.6	17	Nguyễn Trần Duy	Long		8	Khá	Tốt	
7444	8.6	18	Bùi Thị Bảo	Mai	x	7,3	Khá	Tốt	
7445	8.6	19	Phạm Quốc	Minh		6,4	Đạt	Tốt	
7446	8.6	20	Trần Thị Diễm	My	x	7,2	Khá	Khá	
7359	8.4	21	Nguyễn Bảo	Nam		6,8	Khá	Khá	
7233	8.6	22	Nguyễn Hoài Giáng	Ngọc	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG
9021	8.6	23	Văn Nguyễn Thảo	Nguyên	x	7,4	Khá	Tốt	
7451	8.6	24	A Hùng Bội	Như	x	8,2	Khá	Tốt	
7452	8.6	25	Lê Thị Huỳnh	Như	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
7454	8.6	26	Huỳnh Thanh	Phong		7,7	Khá	Tốt	
7455	8.6	27	Lê Nguyễn Gia	Phúc		7,7	Khá	Khá	
7325	8.6	28	Trần Thị Như	Quỳnh	x	7,8	Khá	Tốt	
9043	8.6	29	Huỳnh Lê Tú	Quỳnh	x	7	Khá	Tốt	
7503	8.7	30	Phạm Quốc	Tân		8,1	Khá	Tốt	
7465	8.6	31	Nguyễn Anh	Tuấn		5,4	Đạt	Khá	
7510	8.7	32	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	x	7,6	Khá	Tốt	
7458	8.6	33	Nguyễn Đình Kỳ	Thanh	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
7460	8.6	34	Nguyễn Thị Thu	Thủy	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG
7461	8.6	35	Hoàng Minh	Thư	x	6,9	Khá	Tốt	
7467	8.6	36	Ngô Đình	Vương		7,5	Khá	Tốt	
7468	8.6	37	Hồ Triệu	Vy	x	7,6	Khá	Tốt	
7470	8.6	38	Phùng Tuệ	Vy	x	8,2	Tốt	Tốt	HSG
		39	Trương Hoàng Thúy	Vy					Chuyển đến 24-25
7471	8.6	40	Lê Ngọc	Yên	x	6,5	Đạt	Khá	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 9.8 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
7518	8.8	1	Nguyễn Kim	Bào		7,6	Khá	Tốt	
7577	8.8	2	Phan Bảo	Châu		8,6	Tốt	Tốt	HSG
7519	8.8	3	Phạm Ngô	Chiến		7,9	Khá	Tốt	
7521	8.8	4	Trần Thanh	Đạt		7,6	Khá	Tốt	
7522	8.8	5	Phù Hòa	Đông		6,6	Đạt	Tốt	
7523	8.8	6	Lưu Gia	Hân	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
7524	8.8	7	Phạm Trung	Hiếu		6	Đạt	Tốt	
7525	8.8	8	Tiết Gia	Huy		8,8	Tốt	Tốt	HSG
7526	8.8	9	Vương Gia	Huy		7,7	Khá	Tốt	
7527	8.8	10	Nguyễn Tuấn	Khang		7,6	Khá	Tốt	
7528	8.8	11	Nguyễn Minh	Khôi		6,9	Khá	Tốt	
7530	8.8	12	Trần Gia	Linh	x	8,2	Tốt	Tốt	HSG
7531	8.8	13	Dương Hoàng	Long		7,4	Khá	Tốt	
7532	8.8	14	Huỳnh Huệ	Mẫn	x	7,3	Khá	Tốt	
9044	8.7	15	Dương Gia	Mẫn	x	7,3	Đạt	Tốt	9,8
7533	8.8	16	Trần Thảo	My	x	7,7	Khá	Tốt	
7534	8.8	17	Huỳnh Nhật	Nam		7,4	Khá	Tốt	
7494	8.7	18	Lê Hồng	Ngọc	x	7,7	Khá	Tốt	
7537	8.8	19	Nguyễn Huỳnh Kim	Nguyên	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
15711	8.8	20	Nguyễn Ngọc Ái	Nhi	x	8,2	Khá	Tốt	
7496	8.7	21	Võ Nguyễn Bích	Như	x	7	Đạt	Tốt	9,8
7543	8.8	22	Lê Đình	Phong		7,7	Khá	Tốt	
7499	8.7	23	Hà Văn	Phong		8,3	Khá	Tốt	
7500	8.7	24	Nguyễn Hoàng	Phúc		7,8	Khá	Tốt	
7544	8.8	25	Nguyễn Lê Mai	Phương	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
7545	8.8	26	Mai Nguyễn Bảo	Quyên	x	7,5	Khá	Tốt	
7501	8.7	27	Phan Đình Bảo	Quyên	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG
7502	8.7	28	Tăng Vinh	Tài		7,2	Đạt	Đạt	9,8
7419	8.8	29	Vòng Hoàng	Tiến		6,2	Đạt	Tốt	
7422	8.7	30	Trần Lê Anh	Tú		6	Đạt	Khá	9,8
7548	8.8	31	Nguyễn Thị	Thảo	x	8,2	Tốt	Khá	
7550	8.8	32	Lương Nguyễn Phương	Thùy	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG
7551	8.8	33	Lý Hồng Song	Thư	x	7,5	Khá	Tốt	
7552	8.8	34	Dương Thị Xuân	Trang	x	6,5	Đạt	Tốt	
7556	8.8	35	Lâm Gia	Vinh		8,5	Khá	Tốt	
7558	8.8	36	Vũ Ngọc Khánh	Vy	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
7513	8.7	37	Phương Ngọc	Vy	x	6,9	Đạt	Tốt	9,8
7560	8.8	38	Từ Gia	Yên	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG